

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-YTĐT ngày    /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT | Nội dung dịch vụ                                                                                 | Giá dịch vụ | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                                         |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>Khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài bao gồm: khám cho người nước ngoài, người</b>              |             |                                                                                                    |
| 1   | Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng) | 450,000     | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum                   |
| 2   | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser                                            | 46,200      |                                                                                                    |
| 3   | Định lượng Glucose (máu)                                                                         | 21,500      |                                                                                                    |
| 4   | Định lượng Urê (máu)                                                                             | 21,500      |                                                                                                    |
| 5   | Định lượng Creatinine (máu)                                                                      | 21,500      |                                                                                                    |
| 6   | Đo hoạt độ AST (GOT)                                                                             | 21,500      |                                                                                                    |
| 7   | Đo hoạt độ ALT (GPT)                                                                             | 21,500      |                                                                                                    |
| 8   | Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)                                                      | 27,400      |                                                                                                    |
| 9   | Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)                                                       | 39,100      |                                                                                                    |
| 10  | Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)                                                     | 31,100      |                                                                                                    |
| 11  | Máu lắng (bằng máy tự động)                                                                      | 34,600      |                                                                                                    |
| 12  | Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)                                  | 36,900      |                                                                                                    |
| 13  | HAV Ab test nhanh (Viêm gan A)                                                                   | 106,000     | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Rickettsia Ab)           |
| 14  | HbsAg test nhanh (Viêm gan B)                                                                    | 53,600      | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND                                                                      |
| 15  | HCV Ab test nhanh (Viêm gan C)                                                                   | 53,600      | Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, (Nghị quyết 58 tên DVKT là Anti - HCV (nhanh))          |
| 16  | Treponema palidum test nhanh Giang mai                                                           | 238,000     | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Vi khuẩn/virus/vi nấm/ký |

|                                                  |                                                                                                |                  |                                                                                                          |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17                                               | HIV Ab test nhanh                                                                              | 53,600           | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Anti-                          |
| 18                                               | Định tính Amphetamin (test nhanh) niệu                                                         | 43,100           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Amphetamin (định tính))        |
| 19                                               | Định tính Morphin (test nhanh) niệu                                                            | 43,100           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Opiate (định tính)             |
| 20                                               | Định tính Marijuana THC (test nhanh) niệu                                                      | 43,100           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Marijuana (định tính)          |
| 21                                               | Đơn bào đường ruột soi tươi                                                                    | 41,700           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Ký sinh trùng/ vi nấm soi tươi |
| 22                                               | Điện tim thường                                                                                | 32,800           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện tâm đồ                    |
| 23                                               | Đo điện não vi tính                                                                            | 64,300           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện não đồ                    |
| 24                                               | Siêu âm ổ bụng                                                                                 | 43,900           | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Siêu âm                        |
| 25                                               | Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe |                  |                                                                                                          |
| <b>Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện</b> |                                                                                                | <b>1,589,600</b> |                                                                                                          |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-YTĐT ngày    /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT                                              | Nội dung dịch vụ                                                                                 | Giá dịch vụ    | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                       |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|                                                  | <b>Khám sức khỏe dùng cho người dưới 18 tuổi</b>                                                 |                |                                                                                  |
| 1                                                | Khám sức khỏe toàn diện lao động, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng) | 160,000        | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum |
| 2                                                | Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/Xquang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của Bác sỹ           |                | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của BS                                       |
| <b>Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện</b> |                                                                                                  | <b>160,000</b> |                                                                                  |

**Phụ lục III**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE DÀNH CHO NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN**  
*(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-YTĐT ngày    /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT                                              | Nội dung dịch vụ                                                                                                | Giá dịch vụ    | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                            |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                  | <b>Khám sức khỏe dành cho người từ đủ 18 tuổi trở lên (bao gồm: Xin việc, đi học, bổ nhiệm, lập di chúc...)</b> |                |                                                                                       |
| 1                                                | Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)        | 160,000        | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum      |
| 2                                                | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser                                                           | 46,200         |                                                                                       |
| 3                                                | Định lượng Glucose (máu)                                                                                        | 21,500         |                                                                                       |
| 4                                                | Định lượng Urê (máu)                                                                                            | 21,500         |                                                                                       |
| 5                                                | Định lượng Creatinine (máu)                                                                                     | 21,500         |                                                                                       |
| 6                                                | Đo hoạt độ AST (GOT)                                                                                            | 21,500         |                                                                                       |
| 7                                                | Đo hoạt độ ALT (GPT)                                                                                            | 21,500         |                                                                                       |
| 8                                                | Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)                                                                     | 27,400         |                                                                                       |
| 9                                                | Điện tim thường                                                                                                 | 32,800         | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện tâm đồ |
| 10                                               | Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe                  |                | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ                                        |
| <b>Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện</b> |                                                                                                                 | <b>373,900</b> |                                                                                       |

**Phụ lục IV**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LÁI XE HẠNG A1**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-YTĐT ngày    /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT                                              | Nội dung dịch vụ                                                                                         | Giá dịch vụ    | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                                        |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                | Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng) | 160,000        | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum                  |
| 2                                                | Định tính Amphetamin (test nhanh) niệu                                                                   | 43,100         | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Amphetamin (định tính)) |
| 3                                                | Định tính Morphin (test nhanh) niệu                                                                      | 43,100         | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Opiate (định tính))     |
| 4                                                | Định tính Marijuana THC (test nhanh) niệu                                                                | 43,100         | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Marijuana (định tính))  |
| 5                                                | Định lượng Ethanol (cồn) máu                                                                             | 32,300         | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Thông tư 13/2019/TT-BYT                           |
| 6                                                | Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe           |                | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ                                                    |
| <b>Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện</b> |                                                                                                          | <b>321,600</b> |                                                                                                   |

**Phụ lục V**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LÁI XE**  
**CÁC HẠNG: A2, A3, A4, B1, B2, C, D, E, FB2, FC, FD, FE**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-YTĐT ngày       /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT | Nội dung dịch vụ                                                                                         | Giá dịch vụ | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                                        |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>Khám sức khỏe dành cho người lái xe hạng A2, A3, A4, B1. B2, C, D, E, FB2, FC, FD, FE</b>             |             |                                                                                                   |
| 1   | Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng) | 160,000     | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum                  |
| 2   | Định tính Amphetamin (test nhanh) niệu                                                                   | 43,100      | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Amphetamin (định tính)) |
| 3   | Định tính Morphin (test nhanh) niệu                                                                      | 43,100      | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Opiate (định tính))     |
| 4   | Định tính Marijuana THC (test nhanh) niệu                                                                | 43,100      | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Marijuana (định tính))  |
| 5   | Định lượng Ethanol (cồn) máu hoặc trong hơi thở                                                          | 32,300      | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Thông tư 13/2019/TT-BYT                           |
| 6   | Điện tim thường                                                                                          | 32,800      | Theo quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018, Nghị quyết 58 tên DVKT là Điện tâm đồ             |
| 7   | Thực hiện các dịch vụ cận lâm sàng khác khi có chỉ định của Bác sỹ                                       |             | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ                                                    |

|                                           |         |  |
|-------------------------------------------|---------|--|
| Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện | 354,400 |  |
|-------------------------------------------|---------|--|

**Phụ lục VI**  
**DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU**  
**GÓI KHÁM SỨC KHỎE VỀ AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-YTĐT ngày    /11/2022*  
*của Trung tâm Y tế huyện Đắk Tô)*

*ĐVT: đồng*

| STT | Nội dung dịch vụ                                                                                                                                                                                       | Giá dịch vụ | Cơ sở xác định giá dịch vụ                                                                                |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Khám sức khỏe toàn diện theo nội dung hướng dẫn Thông tư số 14/2013/TT-BYT (không bao gồm các dịch vụ cận lâm sàng)                                                                                    | 160,000     | Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum                          |
| 2   | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser                                                                                                                                                  | 46,200      |                                                                                                           |
| 3   | Định lượng Glucose (máu)                                                                                                                                                                               | 21,500      |                                                                                                           |
| 4   | Định lượng Urê (máu)                                                                                                                                                                                   | 21,500      |                                                                                                           |
| 5   | Định lượng Creatinine (máu)                                                                                                                                                                            | 21,500      |                                                                                                           |
| 6   | Đo hoạt độ AST (GOT)                                                                                                                                                                                   | 21,500      |                                                                                                           |
| 7   | Đo hoạt độ ALT (GPT)                                                                                                                                                                                   | 21,500      |                                                                                                           |
| 8   | Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)                                                                                                                                                            | 27,400      |                                                                                                           |
| 9   | Các chỉ định cận lâm sàng theo yêu cầu chuyên môn hoặc theo yêu cầu của người đi khám sức khỏe                                                                                                         |             |                                                                                                           |
| 10  | Trường hợp nghi ngờ người khám sức khỏe đến khám trong mùa dịch hoặc đến từ vùng có dịch viêm gan, thực hiện thêm xét nghiệm viêm gan A và thực hiện kỹ thuật Đơn bào đường ruột soi tươi, giá cụ thể: |             | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của BS                                                                |
| 11  | HAV Ab test nhanh (Viêm gan A)                                                                                                                                                                         | 106,000     | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Rickettsia Ab )                 |
| 12  | Đơn bào đường ruột soi tươi                                                                                                                                                                            | 41,700      | Theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 (Nghị quyết 58 tên DVKT là Ký sinh trùng/ vi nấm soi tươi) |



|                                                  |                                                                    |                |                                                |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------|
| 13                                               | Thực hiện các dịch vụ cận lâm sàng khác khi có chỉ định của Bác sỹ |                | Tính theo số kỹ thuật theo chỉ định của Bác sỹ |
| <b>Tổng cộng mức giá tối thiểu cần thực hiện</b> |                                                                    | <b>488,800</b> |                                                |